

TỤC THỜ CÚNG ÂM HỒN VEN BIỂN NAM TRUNG BỘ

TS. NGUYỄN ĐĂNG VŨ*

1- Một vài khái niệm

Âm hồn có khi còn gọi là âm linh, là những khái niệm dùng để ám chỉ linh hồn những người đã chết nói chung. Nhưng ở một phạm vi nhất định, trong tâm thức dân gian, âm hồn và âm linh đôi khi chỉ được hiểu là linh hồn của những người chết bất đắc kỳ tử, không nơi thờ tự, những người chết vì chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh, chết yếu, chết trẻ... Với cách hiểu trong trường hợp này thì âm hồn, hay âm linh gần nghĩa với cô hồn, tức những linh hồn cô đơn, vất vưởng, không nơi hương khói, và gần nghĩa với cách gọi phổ biến, mang hàm ý kính trọng của cư dân Nam Trung Bộ, là các cô bác, hay các cô, các bác. Cũng vì cách hiểu này mà ở hầu hết các làng quê Nam Trung Bộ đều có các đình, miếu, sở có tên gọi là âm linh tự (nơi thờ âm linh), nghĩa tự (nơi thờ việc nghĩa), hay miếu (có nơi gọi là miếu/miếu) âm hồn, miếu cô hồn, miếu thờ cô bác, hay là đình âm hồn, đặc biệt là ở dọc ven biển (vì ở các làng quê ven biển thì các loại hình di tích miếu thờ âm hồn, cô hồn của làng, xóm, hết sức dày đặc)¹. Tục thờ cúng âm hồn, cô hồn thể hiện ở các cấp độ: gia đình và làng xóm. Gia đình cúng âm hồn, cô hồn vào các ngày sóc vọng, lễ tết. Khi cúng thì lập bàn cúng ngoài sân, hoặc tại khám thờ đã lập sẵn trước sân. Làng xóm thì cúng âm hồn, cô

hồn chủ yếu theo ngày quy định của làng ở các đình, miếu, nghĩa tự, nghĩa trũng, hoặc có khi được phối thờ trong các đình làng, lăng miếu khác. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi xin tập trung giới thiệu một sinh hoạt văn hóa đặc sắc: Tục thờ cúng âm hồn dọc ven biển Nam Trung Bộ qua tìm hiểu một số nghĩa tự, âm linh tự, hay đình/miếu âm hồn, cô hồn.

2- Từ những chế định của nhà nước

Trước hết có thể nói rằng, tục thờ âm hồn, cô hồn vốn là một tục thờ cúng dân gian, tự phát, có từ lâu đời trong dân chúng, nhưng nhờ được sự bảo trợ và được chế định hoá việc cúng tế, thờ phụng, trong các văn bản pháp quy của nhà nước quân chủ, qua các thời kỳ lịch sử mà tục thờ cúng này được duy trì và củng cố thêm.

Căn cứ theo những nguồn tư liệu mà chúng tôi có được, từ thời Lê Thánh Tông, vào năm Quang Thuận thứ 5 (Giáp Thân - 1464) triều đình đã thật sự quan tâm đến việc tế lễ âm hồn, cô hồn, bằng cách đã ra một chế định nhằm "định lễ phẩm tế thần cô hồn". Chế định này ghi rõ: "Phàm những quỷ thần nào không có chủ cúng tế đều được tế cả, và được chia ra làm ba bậc thượng, trung, hạ; lễ phẩm đều dựa theo lễ phẩm bách thần"². Đặc biệt vào thời Nguyễn, gần như trong suốt nửa thế kỷ XIX, các vị vua từ Gia Long đến Tự Đức đều liên tiếp ra các chỉ dụ cho quan dân ở các địa phương trong cả

* PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA - THÔNG TIN TỈNH QUẢNG NGÃI

nước chú trọng đến tục thờ cúng này. Sau khi Nguyễn Ánh lên ngôi, vào năm Gia Long thứ 2 (1803), nhà vua cũng đã chuẩn định cho các địa phương lập đàn tế âm hồn và đặt bài vị "vô tự quý thân" với lễ phẩm 3 con dê, 3 con lợn, 2 phương gạo nếp làm xôi, 3 phương gạo cơm cháo, và các quan địa phương khâm mạng hành lễ tế âm hồn tại địa phương mình hàng năm vào các ngày mùng 3 tháng quý xuân (tháng 3) và quý đông (tháng 12). Sang thời Minh Mạng, nhà vua liên tiếp ban ra nhiều chỉ dụ lập đàn tế các mộ bỏ hoang, các âm hồn, cô hồn, những người đã vì việc nước hy sinh vào thời Lê Trung hưng, và các thời kỳ "nhà nước ta mở mang bờ cõi vào phía Nam", như các chỉ dụ vào năm Minh Mạng nguyên niên (1820), Minh Mạng thứ 6 (1825), Minh Mạng thứ 16 (1835), Minh Mạng thứ 21 (1840)... Nói chung các chỉ dụ của vua Minh Mạng đều nhấn mạnh đến sự tưởng vọng những người đã khuất vì nhiều lẽ khác nhau. Nhà vua cho lập đàn tế âm hồn, chu cấp tiền bạc, phẩm vật, lễ vật (các địa phương đều bình đẳng) để hàng năm các địa phương từ kinh thành cho đến các trấn Gia Định, Bình Thuận, Hoà Bình, Phú Yên... chăm lo tế lễ³. Thời Thiệu Trị, vào các năm thứ 4, thứ 5 (1844 - 1845), nhà vua cũng đã ban các dụ tiếp tục củng cố tục tế âm hồn, như phải lập thêm các đàn tế, "rà soát" lại những trường hợp "nhân dân chết ở sa trường, chiến loạn, bị thiên tai, bệnh tật", và ban phát nhiều phẩm vật, lễ vật lớn như trâu, bò, cháo cơm, áo mũ, tiền giấy, vàng mã... với quan niệm hết sức khoáng đạt, là "không phải bó hẹp như lễ tế thường, cốt cho khí dương hoà lan khắp, khí âm uất tiêu tan, để cùng đến chỗ yên vui, cùng hưởng khúc thanh bình, đồ biển thực sự chú ý sâu sắc, tuần dinh thương nhớ khôn nguôi đối với những người trong cõi u minh"⁴.

3- Đến việc thành lập các nghĩa塚, nghĩa tự

Có lẽ nhờ các chỉ dụ này mà vào thời Minh Mạng, Thiệu Trị nhiều nơi trong nước lập các đàn tế, các dinh miếu thờ âm hồn; các nghĩa tự, nghĩa塚 được thiết lập, được tu sửa, được bồi đắp. Mỗi làng, mỗi xóm, bên cạnh đình làng, miếu thờ thành hoàng, thờ Mẫu, thờ các thiên thần, nhiên thần khác, thì lúc này còn có thêm một số nghĩa塚 và một dinh, miếu thờ âm hồn, cô hồn, thờ cô bác, mà thường được

gọi chung là nghĩa tự. Vì thế, cho đến hiện nay, trong các làng quê, nhất là các làng quê ven biển Nam Trung Bộ còn rất nhiều nghĩa塚 được quy tập, nhiều nghĩa tự, nhiều miếu âm hồn được xây dựng, mà trong đó hầu hết đều có niên đại từ khoảng những năm 20 đến 40 của thế kỷ XIX.

Vậy Nghĩa塚 là gì? Theo tự điển Hán Việt của Đào Duy Anh, nghĩa塚 là "cái mồ xây cao"; theo Tự điển Hán Việt của Thiều Chửu, thì nghĩa塚 cũng cũng nghĩa như vậy, là "mồ cao, mả đắp cao". Nghĩa塚 thực chất là một ngôi mộ chung cho những người chết vì làm việc nghĩa. Tất cả những ngôi mộ của chiến sĩ vô danh, những người vốn có công với đất nước, nhưng khi chết không ai xác định được danh tính, đều được quy tập chung vào gò đất đó. Nhưng cũng có những nghĩa塚, không chỉ có những hài cốt của những người có công, những chiến sĩ vô danh mà còn có cả xương cốt của những người vô chủ khác. Điều này được chính Nguyễn Thông xác nhận trong bài Nghĩa塚 phú: "Vào năm Tự Đức thứ 18 (1865), nhà vua có lệnh sai tất cả các quan lập nghĩa塚, kiểm tra thu nhặt hài cốt ở các mồ hoang mai táng một chỗ, hàng năm đến tháng 2 thì ban tế một lần". Như vậy, nghĩa塚 còn có nghĩa là cái mồ cao được quy tập, vốn từ việc làm nghĩa, làm phúc của người đời sau nhằm tưởng nhớ, ghi ơn, những người đã khuất (vô danh). Nghĩa塚 thường do làng hay xóm quản lý. Làng hay xóm đứng ra xin phép chính quyền để lo việc quy tập hài cốt thành nghĩa塚. Tuy nhiên, cũng có nghĩa塚 do nhà nước trực tiếp chăm lo việc quy tập hài cốt, trực tiếp tế lễ, như Hoà Vang nghĩa塚 (Đà Nẵng) - nơi quy tập và tế lễ những dân binh đã bị hy sinh trong các trận đánh với Pháp tại cửa Hàn vào thời Tự Đức, hay nghĩa塚 núi Sam ở Châu Đốc (An Giang) - nơi quy tập các hài cốt tử sĩ tử nạn trong việc đào kênh Vĩnh Tế dài gần 100km (vốn do Thoại Ngọc Hầu đã "thừa để lệnh" huy động dân binh chiêu tập hài cốt vào thời Minh Mạng).

Còn nghĩa tự là nơi thờ việc nghĩa, thường được đặt gần nghĩa塚. Nghĩa tự chỉ là một thiết chế tín ngưỡng của cộng đồng, là nơi dùng để tế lễ các âm hồn, cô hồn không nơi thờ cúng, bao gồm cả các chiến sĩ trận vong, chiến sĩ vô danh. Thông thường nghĩa tự là một miếu

thờ lộ thiên, có diện tích bên trong miếu chừng 40m², bao gồm các ban thờ:

- Mặt chính phía sau: Chính điện thờ thần (có khi là Tiêu Diện đại sĩ, hoặc Chứa Chưởng), tả ban (thờ A Sát Đế mẫu), hữu ban (thờ Diệm Khẩu Quỷ vương).

- Ở trung tâm miếu đặt ban thờ Hội đồng (kèm theo 3 đàn đặt lễ vật).

- Hai bên tả hữu gồm có 4 ban thờ: Bên hữu gồm các ban Tây phối, Tiền vãng thần viên liệt vị; bên tả gồm các ban Đông phối, Tiền vãng quan viên liệt vị.

- Mặt trước có hai ban thờ nhỏ, cạnh vòm nghi môn (không có cánh cửa) là Hữu ngoại đàn liệt vị và Tả ngoại đàn liệt vị.

Ở nhiều nơi, trong các nghĩa tự còn có ban thờ Thành hoàng và tiền hiền, hậu hiền.

Mặt trước là bình phong, đắp nổi 2 mặt, hình con lân hoặc long mã, và hai trụ biểu, và trồng một hoặc hai cây gạo, hay cây gạo với quan niệm "thần cây đa, ma cây gạo/gáo".

Tuy nhiên, để tiện việc cúng tế, một số nghĩa tự được làm mái che bên trên, như nghĩa tự ở Thạch Bi (Sa Huỳnh), hoặc Âm linh tự ở An Vĩnh (đảo Lý Sơn, Quảng Ngãi). Tuy có mái che, nhưng phân bố trí các ban thờ như đã miêu tả ở trên dường như không có nhiều thay đổi. Phần mái che tại Âm linh tự (An Hải, Lý Sơn) ra đời muộn hơn phần lộ thiên. Nếu như phần lộ thiên đã được xây dựng bằng chất liệu vôi vữa tam hợp có từ gần 200 năm trước, thì phần mái che chỉ có niên đại khoảng hơn 100 năm với phần kết cấu chính bằng chất liệu gỗ. Tại nghĩa tự Thạch Bi - Sa Huỳnh cũng có hai đơn nguyên kiến trúc với niên đại tương tự. Dù có mái che hay không thì, nghĩa tự cũng chỉ là một thiết chế tín ngưỡng có quy mô không lớn. Căn cứ vào việc "phân cấp quản lý" các thiết chế tín ngưỡng ở địa phương, thì làng chỉ quản lý và lo việc tế lễ đình làng, còn đình, miếu, nghĩa tự, nghĩa塚 thì do xóm, hay lân quản lý và tế lễ. Nhưng dù là cấp nào quản lý hay tế lễ thì việc thờ cúng âm hồn, cô hồn vẫn có những hàng số giá trị.

4- Những hàng số giá trị

Tục thờ cúng âm hồn, cô hồn mang những hàng số giá trị: cổ kết cộng đồng, nhân văn, giáo dục đạo đức hết sức sâu sắc.

Hàng năm vào dịp tết Nguyên tiêu và đặc biệt, phổ biến hơn cả, là vào tết Thanh minh,

Nguyễn Đăng Vũ: *Tục thờ cúng âm hồn ven biển...*

các làng xóm đều chăm lo việc tế tự ở các nghĩa塚, nghĩa tự. Hiện nay vì do không có bia mộ nên các nghĩa塚 dần dần bị bỏ hoang (là lần thứ hai bị người đời lãng quên), nhưng các nghĩa tự thì hầu như đều còn ở các làng, xóm, nhất là các làng xóm dọc ven biển.

Trình tự tế lễ ở nghĩa tự vào tết Thanh minh thường gồm các bước như sau:

- *Lễ giấy má*: Nếu như các gia đình, dòng họ làm lễ giấy má cho ông bà, tổ tiên trong gia đình, dòng họ vào dịp tháng Chạp (dịp lễ chạp má), thì các thành viên trong cộng đồng, dân chính cư, dân ngụ cư đều phải có nghĩa vụ chăm lo giấy má ở nghĩa塚, giã các mộ má bỏ hoang. Nếu đứng tế ở nghĩa tự vào ngày mùng 3 tháng 3 thì lễ giấy má được tiến hành vào ngày mùng 2 tháng 3; nếu tế vào ngày 16 tháng 3 thì lễ giấy má sẽ tiến hành vào ngày 15 tháng 3.

- *Lễ tế và lễ vật hiến tế*: Ngoài việc cúng tế vào các ngày sóc vọng, mà chủ yếu là cúng bằng cháo bỏ trong lá đa (gọi là cháo lá đa), có khi còn làm chay vào rằm tháng bảy, hay chạy đèn theo kiểu đạo pháp với sự cầu mong cho các linh hồn "đập phá được các cửa ngục, để thoát khỏi vòng giam cầm tù tội ở âm ty", thì trong ngày tế vào tiết thanh minh, nhân dân trong xóm tổ chức 2 lễ chính: lễ yết, cúng vào buổi xẩm tối sau khi giã má xong, và lễ chánh tế vào sáng sớm ngày hôm sau. Lễ yết (hay lễ túc yết = lễ cung kính ra mắt) chỉ cúng hương, hoa, trà, quả, để cáo với các vị quỷ thần và các âm hồn, cô hồn là lễ giấy má đã hoàn tất và biết để về tham dự ngày lễ khao tế của dân chúng. Lễ vật trong chánh tế, theo chỉ dụ của triều đình, dành cho các lệ đàn, là những nơi thờ âm linh có quy mô lớn, thường là tam sinh (trâu/bò, dê, heo), rượu, vàng mã, do nhà nước tài trợ là chính, và được chế định cụ thể cho từng năm, còn ở các địa phương thì tùy theo điều kiện. Trước đây, ở các xóm cũng thường cúng bò, heo, nhưng chủ yếu là do nhân dân trong xóm tự đóng góp. Ở nhiều nơi, lễ vật cúng tế tại các nghĩa tự hết sức "phong phú và đa dạng", bởi mỗi gia đình, tùy theo sản vật của mình làm ra, và tùy theo gia cảnh mà tự mang đến để cúng tế. Có thể là một củ khoai, một mâm củ sắn, một đĩa củ từ, một nồi bắp luộc, một nồi cháo trắng, một ít bánh lá gai, một ít bánh lá dong, một ít nộm bằng cá, mực v.v... Về

việc bày biện lễ vật, có bát đĩa thì lễ vật được bày biện trên bát đĩa, còn không có bát đĩa thì lấy lá đa, lá chuối, lá dong... để đựng lễ vật hiến tế. Nhiều người cho rằng, cách hiến tế này phù hợp với "khẩu vị" của những cô hồn, oan hồn và đúng ý nghĩa với việc cúng tế này, bởi nó thể hiện sự thành tâm của những người tham gia hiến tế. Và, sau khi hiến tế cho thần linh cùng các cô hồn, âm hồn thì tất cả mọi người đều được bình đẳng trong việc thừa hưởng tất cả các lễ vật đã được dâng cúng. Tính dân chủ, bình đẳng lúc này như được thiết lập thật sự qua một hình thức tín ngưỡng dân gian.

- *Thành phần tham gia lễ tế*: Khác hẳn với ban tế đình làng, lăng, dinh, miếu thờ thành hoàng, thờ các vị thần khác, phải do chính ông cả làng, hoặc ông chủ xóm và chỉ có dân chính cư tham gia thực hiện nghi lễ, song trong lễ tế nghĩa tự, miếu âm hồn, dân chính cư và cả dân ngụ cư đều tham gia thực hiện nghi lễ. Những người dân ngụ cư chỉ được quyền tham gia trong lễ tế ở nghĩa tự, ở miếu âm hồn. Trong việc thực hiện tế lễ, cả lễ yết lần lễ chánh tế được thực hiện theo các bước sơ hiến, á hiến, và chung hiến, đều theo các bước quy định "tam tuần, bát bái", có đội đại chinh cổ, đội tiểu cổ, có ban nhạc ngũ âm, có phân hiến. Tuy nhiên, điều khác biệt trong lễ tế này là công chủ tế, và cũng là chủ nghĩa tự thường là người dân ngụ cư, và có khi không phân biệt nam hay nữ. Vì thế có thể nói, tính nhân văn và tính cố kết cộng đồng, tính dân chủ, bình đẳng càng thể hiện hết sức sâu sắc trong thành phần tham gia và việc phân vai trong lễ giã gạo và tế tự ở âm linh tự. Mặt khác, có thể thấy, tục thờ cúng âm hồn, cô hồn, không chỉ là việc cầu mong cho xóm làng bình yên (để khỏi bị những hồn ma lưu lạc quấy rầy), mà còn có ý nghĩa cảm thông sâu sắc giữa người sống với người sống, giữa người đang sống với người đã chết, và việc tri ân đối với các bậc tiền bối đã có công giữ gìn cho làng xóm bình yên, đã có công khai phá và xây dựng làng mạc, ruộng đồng.

5- Một ý nghĩa phái sinh

Tại huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, còn có hai âm linh tự, một ở làng An Vĩnh, một ở làng An Hải. Âm linh tự làng An Hải không có mái che. Âm linh tự làng An Vĩnh có mái che, và tại đây (âm linh tự An Vĩnh) người dân sở tại còn xây dựng phần mái che thành hình chữ "công".

Gian chính giữa có các ban thờ như các nghĩa tự phổ biến đã miêu tả ở trên. Gian bên tả dùng để thờ thần Thượng Thiên, gian bên hữu là nhà để chuẩn bị lễ vật hiến tế. Trước mặt âm linh tự là "tháp thờ" hình thang cân, có khắc 4 chữ trên 4 mặt: "Chiến sĩ trận vong". Đã từ xa xưa; tại âm linh tự làng An Vĩnh, người dân trong làng không chỉ có cúng tế những âm linh, cô hồn như những nghĩa tự khác mà đã phối thờ các chiến sĩ đi Hoàng Sa - Trường Sa từ thời các chúa Nguyễn và triều Nguyễn sau này. Tại đây, hàng năm vào ngày 15 và 16 tháng 3 Âm lịch, người dân làng An Vĩnh, tổ chức giã gạo các nghĩa trùng, các mộ hoang trong làng, các ngôi "mộ gió" (mộ tượng trưng) các chiến binh Hoàng Sa - Trường Sa đã một đi không trở lại; tổ chức lễ tế các âm linh, đặc biệt là thực hiện nghi lễ khao lễ thế lính Hoàng Sa - một lễ tục không có ở nơi nào, với sự cầu mong người lính đi Hoàng Sa luôn sẽ vượt qua sóng gập bão tố trong suốt 6 tháng trời lênh đênh bên biển, từ tháng 3 đến tháng 8 Âm lịch hàng năm. Cũng trên cơ tầng một tế tế âm linh phổ biến, nhưng người làng An Vĩnh đã làm phong phú thêm lễ tế của họ, đã tự ý thức có một trách nhiệm thiêng liêng đối với những người bảo vệ chủ quyền trên vùng lãnh thổ ở biển Đông trong nhiều thế kỷ. Tại lễ tế này, họ còn làm lễ phóng sinh, lễ thả đèn trên biển, lễ tế những hình nhân thế mạng, lễ thả thuyền hiến tế trên mặt biển cho những người đi lính thú Hoàng Sa. Thật là hết sức nhân văn, đầy ắp giá trị giáo dục truyền thống cho cộng đồng, và mang ý nghĩa lịch sử, góp phần nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.

6- *Vì sao dọc biển Nam Trung Bộ lại có nhiều nghĩa tự, nhiều nghĩa trùng, nhiều miếu âm linh?*

Tục thờ cúng âm hồn, cô hồn thì trong cả nước nơi nào cũng có, ở miền xuôi lẫn miền ngược, người Kinh lẫn người Thượng, nhưng chúng tôi muốn nói rằng, ở dọc ven biển Nam Trung Bộ, tục thờ cúng này hết sức phổ biến và luôn được củng cố, duy trì. Có nhiều lý do để giải thích điều này:

Trước hết, bởi do chính con người nơi đây bao đời nay luôn phải đối mặt với rủi ro trên biển cả, luôn đối mặt với thảm họa bão tố, triều cường, nhất là ở chính dải đất của Tổ quốc "không may" uốn mình ra phía biển, như dải đất

Nam Trung Bộ. Gắn bó với biển từ lâu đời, giỏi nghề đi biển hơn những vùng đất khác, nhờ kế thừa truyền thống biển của người Nam Đảo, nhưng nghề đi biển, đầu là đi đánh cá, hay đi đo đạc thuỷ trình, cắm mốc chủ quyền lãnh thổ, tìm kiếm hải vật, sản vật như nhiệm vụ của đội Hoàng Sa (vốn được tuyển chọn hàng năm 70 người thiện chiến để đi biển), thì biển cả cũng đã tước đi hàng vạn sinh linh từ hàng nhiều thế kỷ. Trước biển con người trở nên nhỏ bé và luôn bị hiểm nguy rình rập, thì việc thờ cúng nhiều, và dày đặc là lẽ đương nhiên (hướng chỉ người Việt vốn là một cộng đồng "xa rừng, nhạ biển")

Thứ hai, trong tiến trình mở mang bờ cõi về phía Nam, người Việt đã đi dọc biển (bởi trước mặt là con đường đầy sông suối ngăn cách, thú dữ, cỏ cây rậm rạp, bên trái là đại dương mênh mông, bên phải là rừng rậm). Tại đây, vùng Nam Trung Bộ, đã có những giao tranh dữ dội, như các năm: 1402 với cuộc chiến do vua nhà Hồ lãnh đạo, và lập nên các phủ Thăng Hoa, Tư Nghĩa; năm 1471 với cuộc thân chinh của vua Lê Thánh Tông với đội quân hùng mạnh của Trà Toàn, lập nên đạo thừa tuyên Quảng Nam, bao gồm cả phần đất từ phía Nam đèo Hải Vân đến phía Bắc chân đèo Cả. Và sau này, từ thế kỷ XVI, XVII trở đi, còn có những cuộc giao tranh Lê - Mạc, những cuộc giao tranh Trịnh - Nguyễn, những cuộc giao tranh giữa quân Nguyễn Ánh và nhà Tây Sơn, và hai cuộc chiến chống Pháp và chống Mỹ. Tất cả đều khốc liệt và hầu hết đều diễn ra dọc biển. Đã có nhiều binh lính lẫn dân thường, người Việt, lẫn Chăm tử nạn (mà hiện còn dấu vết các mả nạn ở Phú Yên, các Gò mạng ở Quảng Ngãi)? Đó là chưa kể đến số những lưu dân Việt trong suốt chiều dài hơn 500 năm Nam tiến, nhất là vào các thế kỷ XVI, XVII, XVIII đã chết vì dịch bệnh, thiên tai. Chưa ai có thể

Nguyễn Đăng Vũ: *Tục thờ cúng âm hồn ven biển...*

thống kê được số liệu tử nạn này, nhưng chắc chắn cũng đã có đến hàng triệu người bỏ mình dọc theo những dải đất ven biển hoặc trong lòng biển. Nghĩa trũng, nghĩa tự được lập nên nhiều ở đây cũng là lẽ đương nhiên.

7- Vài lời kết

Tục thờ cúng âm hồn là một lễ tục độc đáo, mang nhiều giá trị sâu sắc: giá trị nhân văn, giá trị giáo dục, đạo đức, giá trị truyền thống, giá trị cổ kết cộng đồng... Vì thế, lễ tục này cần được củng cố, duy trì, các nơi thờ tự âm hồn, cô hồn, như các nghĩa tự, các miếu âm linh cần được tu sửa, tôn tạo, cần phải làm cho mọi người hiểu rõ giá trị, ý nghĩa vai trò lễ tục này trong đời sống tín ngưỡng của cộng đồng và có trách nhiệm cùng bảo tồn, gìn giữ, cùng phát huy giá trị. Rõ ràng, tục thờ cúng âm hồn ở các nghĩa trũng, nghĩa tự là một trong những biểu hiện sinh động cho tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái với ý thức luôn hướng về cộng đồng trong mỗi con người Việt Nam...

N.D.V

Chú thích:

1. Nếu do nhà nước thành lập cho những linh hồn vô chủ, những tướng binh tử nạn thì gọi đó là lệ đàn. Hàng năm nhà vua sai quan viên về tế lễ. Ở một số nơi âm linh tự, miếu cô hồn cũng còn gọi là am chúng sinh. Xem: Phan Kế Bính, *Việt Nam phong tục*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1999, Tr. 94 - 96.
2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, chính biên, quyển thứ XIX, tờ 26, Nxb. Giáo dục, H.1998, tập 1, tr. 1005.
- 3,4. Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, quyển 91, mục Tế tự các thần, Nxb. Thuận Hoá, Huế, tập IV, in lần thứ 2, 2005.

WORSHIP OF AM HON SPIRITS IN THE SOUTHERN CENTRAL COAST (DR. NGUYỄN ĐĂNG VŨ)

In the article, the author provides brief introduction on the psyche and hence on the openness of the peoples in Central Vietnam through generations. The article also discusses about rules and conventions of feudal dynasties manifested in places of worship (nghĩa trũng and nghĩa tự), redefining the value of this form of monuments as cultural heritage of Vietnam.